

Số: 468/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1990; CCCD số 058090005740 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/11/2022; địa chỉ: **Phòng F, Chung cư B, phường S, thành phố Đà Nẵng**.

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990; CCCD số 040190010941 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/11/2022; địa chỉ: **Phòng F, Chung cư B, phường S, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình đề ngày 07/8/2026 và tại phiên hòa giải ngày 03/9/2026 của người yêu cầu ông **Nguyễn Mạnh C** và bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Mạnh C** và bà **Nguyễn Thị L** tự nguyện kết hôn vào ngày 21/6/2017, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã D, tỉnh Nghệ An)**. Do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên thừa nhận quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Tiến A, sinh ngày 07/02/2018 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/4/2022. Ly hôn ông C và bà L thỏa thuận thống nhất ông C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L không có nợ chung.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận thống nhất ông C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Tiến A, sinh ngày 07/02/2018 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/4/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001659 ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND xã Diên Châu, tỉnh Nghệ An;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án văn.

Nguyễn Thị Thúy Vân